

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 1 – Năm học: 2023 – 2024

Môn học/Nhóm: Bóng đá 2 – HP (23401004)
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	BP. 4	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2122170371	Trương Phúc	An	02/05/2003	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	8.0	7.0	7.0	7.0	7.3	
2	2122170372	Nguyễn Hoàng	Ân	09/12/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	8.0	7.0	7.0	7.0	7.3	
3	2122170379	Nguyễn Chấn	Bằng	02/08/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	8.0	7.0	7.0	7.0	7.3	
4	2122170399	Huỳnh Quốc	Bảo	16/09/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	8.0	7.0	7.0	7.0	7.3	
5	2122170366	Nguyễn Duy	Bảo	17/02/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	8.0	7.0	7.0	7.0	7.3	
6	2122170348	Trần Đoàn Ngọc	Bền	08/10/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	8.0	7.0	7.0	7.0	7.3	
7	2122170384	Lưu Bình	Đức	17/01/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	8.0	7.0	7.0	7.0	7.3	
8	2122170335	Nguyễn Tấn	Đức	04/06/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	8.0	7.0	7.0	7.0	7.3	
9	2122170404	Lưu Hải	Dương	15/07/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	8.0	7.0	7.0	7.0	7.3	
10	2122170401	Lê Bùi Nhật	Duy	19/08/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	8.0	7.0	7.0	7.0	7.3	
11	2122050012	Huỳnh Ngô Phước	Hải	26/03/2004	Điện công nghiệp A	5.0	8.0	8.0	8.0	7.3	
12	2122170349	Bùi Quang	Hiệp	11/03/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	7.0	8.0	8.0	8.0	7.8	
13	2122170351	Nguyễn Ngọc	Hoàng	16/04/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	7.0	8.0	8.0	8.0	7.8	
14	2122170353	Nguyễn Quốc	Học	13/03/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	5.0	8.0	8.0	8.0	7.3	
15	2122170395	Nguyễn Tiến	Hữu	25/12/2002	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	7.0	8.0	8.0	8.0	7.8	
16	2122270094	Nguyễn Quang	Huy	03/04/2004	Quản trị nhà hàng C	5.0	8.0	8.0	8.0	7.3	
17	2122170356	Nguyễn Trương Bá	Huy	14/04/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	5.0	8.0	8.0	8.0	7.3	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	BP. 4	Điểm quá trình	Ghi chú
18	2122050054	Vũ Gia	Huy	04/06/2004	Điện công nghiệp B	5.0	8.0	8.0	8.0	7.3	
19	2121110231	Trịnh Vỹ	Kha	25/07/2003	Công nghệ thông tin G	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng
20	2122170343	Trần Quốc	Khánh	25/06/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	7.0	8.0	8.0	8.0	7.8	
21	2122170324	Trần Đình	Khươn g	09/03/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
22	2122170389	Nguyễn Tuấn	Kiệt	29/11/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	8.0	5.0	8.0	8.0	7.3	
23	2122170386	Phan Trường	Luân	20/03/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
24	2122180083	Nguyễn Văn	Minh	21/05/2004	Công nghệ KT nhiệt C	8.0	8.0	5.0	5.0	6.5	
25	2122170800	Trần Văn	Minh	17/04/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
26	2122170352	Võ Văn	Minh	02/02/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
27	2122170330	Nguyễn Phương	Nam	11/10/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
28	2122170325	Nguyễn Thành	Nam	01/04/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
29	2122170382	Ung Xuân	Nghị	26/02/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	8.0	8.0	5.0	5.0	6.5	
30	2122270095	Trần Văn	Nghĩa	28/01/2004	Quản trị nhà hàng C	8.0	5.0	8.0	8.0	7.3	
31	2122050015	Trương Đắc	Ngọc	17/09/2004	Điện công nghiệp A	5.0	9.0	8.0	8.0	7.5	
32	2122050067	Nguyễn Tấn Gia	Nguyên	30/04/2004	Điện công nghiệp B	9.0	9.0	8.0	8.0	8.5	
33	2122170358	Đieu	Nhân	19/06/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	9.0	9.0	5.0	5.0	7.0	
34	2122170378	Lê Anh	Nhân	21/06/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	5.0	9.0	8.0	8.0	7.5	
35	2122170329	Lê Văn	Nhân	16/09/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	9.0	9.0	8.0	8.0	8.5	
36	2122170397	Võ Thành	Nhân	22/06/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	5.0	9.0	8.0	8.0	7.5	
37	2122050003	Nguyễn Minh	Nhật	06/01/2004	Điện công nghiệp A	5.0	9.0	8.0	8.0	7.5	
38	2122170392	Võ Thành	Nhơn	15/12/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	5.0	9.0	8.0	8.0	7.5	
39	2122170368	Trương Nam	Phi	20/01/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	9.0	9.0	8.0	8.0	8.5	
40	2122170334	Chu Minh	Phong	05/10/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	5.0	9.0	8.0	8.0	7.5	
41	2122170327	Đặng Trương	Phong	12/04/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	5.0	8.0	9.0	9.0	7.8	
42	2122170342	Nguyễn Tấn	Phong	25/09/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	9.0	8.0	9.0	9.0	8.8	
43	2122170333	Trương Thanh	Phong	12/09/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	9.0	8.0	9.0	9.0	8.8	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	BP. 4	Điểm quá trình	Ghi chú
44	2122170340	Nguyễn Phong	Phú	31/08/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	5.0	8.0	9.0	9.0	7.8	
45	2122170347	Hồ Văn	Phước	23/05/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng
46	2122170370	Hồ Duy	Phương	28/11/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	9.0	8.0	9.0	9.0	8.8	
47	2122050028	Lê Mậu Hải	Quân	09/03/2004	Điện công nghiệp A	9.0	8.0	5.0	5.0	6.8	
48	2122170375	Trần Đăng	Quân	27/07/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	9.0	8.0	9.0	9.0	8.8	
49	2122170377	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Quý	08/05/2003	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	9.0	8.0	9.0	9.0	8.8	
50	2122170381	Châu Khánh	Tân	19/04/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	9.0	5.0	9.0	9.0	8.0	
51	2122050007	Nguyễn Duy	Tân	20/01/2004	Điện công nghiệp A	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	
52	2122170360	Phạm Ngọc	Thạch	10/04/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	
53	2122170402	Trần Đức	Thành	02/04/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	5.0	8.0	7.0	7.0	6.8	
54	2122170365	Phạm Minh	Thông	15/07/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	
55	2122170400	Trần Minh	Thuận	04/01/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	
56	2122170383	Văn Thành	Thuận	05/02/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng
57	2122170380	Nguyễn Thành	Tiến	23/10/2003	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	
58	2122050006	Nguyễn Duy	Tiền	09/01/2003	Điện công nghiệp A	5.0	8.0	7.0	7.0	6.8	
59	2122170362	Nguyễn Cao	Toàn	11/10/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng
60	2122050066	Hồ Mạnh	Trình	27/03/2004	Điện công nghiệp B	5.0	8.0	7.0	7.0	6.8	
61	2122170369	Lê Quang	Trường	19/04/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng
62	2122170376	Nguyễn Đức	Trường	27/01/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	6.0	8.0	9.0	9.0	8.0	
63	2122180011	Nguyễn Trọng	Tú	02/09/2004	Quản trị nhà hàng D	6.0	8.0	9.0	9.0	8.0	
64	2122050016	Hồ Minh	Tuấn	22/08/2004	Điện công nghiệp A	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	
65	2122170374	Phạm Anh	Tuấn	05/07/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	6.0	8.0	9.0	9.0	8.0	
66	2122170355	Phan Thanh	Tùng	18/01/2002	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	6.0	8.0	9.0	9.0	8.0	
67	2122170350	Huỳnh Quang	Vinh	30/12/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	6.0	8.0	9.0	9.0	8.0	
68	2122170341	Võ Tấn	Vinh	26/02/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	6.0	8.0	9.0	9.0	8.0	
69	2122170403	Phan Thành	Vũ	08/03/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	5.0	8.0	9.0	9.0	7.8	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	BP. 4	Điểm quá trình	Ghi chú
70	2122170396	Trần Minh	Vương	22/08/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	6.0	8.0	9.0	9.0	8.0	

TPHCM , ngày 06 tháng 11 năm 2023
Giảng viên

Nguyễn Thanh Bình

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN

Học kỳ: 1 – Năm học: 2023 – 2024

Môn học/Nhóm: Bóng đá 2 – HP (23401004)

Số tín chỉ: 02

CBGD: Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2122170371	Trương Phúc	An	02/05/2003	CCQ2217J	7.3	6.0	6,50	
2	2122170372	Nguyễn Hoàng	Ân	09/12/2004	CCQ2217J	7.3	6.0	6,50	
3	2122170379	Nguyễn Chấn	Bằng	02/08/2004	CCQ2217J	7.3	5.0	5,90	
4	2122170399	Huỳnh Quốc	Bảo	16/09/2004	CCQ2217J	7.3	5.0	5,90	
5	2122170366	Nguyễn Duy	Bảo	17/02/2004	CCQ2217J	7.3	6.0	6,50	
6	2122170348	Trần Đoàn Ngọc	Bền	08/10/2004	CCQ2217I	7.3	6.0	6,50	
7	2122170384	Lưu Bình	Đức	17/01/2004	CCQ2217J	7.3	10.0	8,90	
8	2122170335	Nguyễn Tấn	Đức	04/06/2004	CCQ2217I	7.3	6.0	6,50	
9	2122170404	Lưu Hải	Dương	15/07/2004	CCQ2217J	7.3	5.0	5,90	
10	2122170401	Lê Bùi Nhật	Duy	19/08/2004	CCQ2217J	7.3	6.0	6,50	
11	2122050012	Huỳnh Ngô Phước	Hải	26/03/2004	CCQ2205A	7.3	5.0	5,90	
12	2122170349	Bùi Quang	Hiệp	11/03/2004	CCQ2217I	7.8	5.0	6,10	
13	2122170351	Nguyễn Ngọc	Hoàng	16/04/2004	CCQ2217I	7.8	5.0	6,10	
14	2122170353	Nguyễn Quốc	Học	13/03/2004	CCQ2217I	7.3	5.0	5,90	
15	2122170395	Nguyễn Tiến	Hữu	25/12/2002	CCQ2217J	7.8	5.0	6,10	
16	2122270094	Nguyễn Quang	Huy	03/04/2004	CCQ2227C	7.3	7.0	7,10	
17	2122170356	Nguyễn Trương Bá	Huy	14/04/2004	CCQ2217I	7.3	8.0	7,70	
18	2122050054	Vũ Gia	Huy	04/06/2004	CCQ2205B	7.3	5.0	5,90	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
19	2121110231	Trịnh Vũ	Kha	25/07/2003	CCQ2111G	0.0	0.0	0,00	Vắng
20	2122170343	Trần Quốc	Khánh	25/06/2004	CCQ2217I	7.8	7.0	7,30	
21	2122170324	Trần Đình	Khương	09/03/2004	CCQ2217I	8.0	7.0	7,40	
22	2122170389	Nguyễn Tuấn	Kiệt	29/11/2004	CCQ2217J	7.3	5.0	5,90	
23	2122170386	Phan Trường	Luân	20/03/2004	CCQ2217J	8.0	5.0	6,20	
24	2122180083	Nguyễn Văn	Minh	21/05/2004	CCQ2218C	6.5	5.0	5,60	
25	2122170800	Trần Văn	Minh	17/04/2004	CCQ2217I	8.0	5.0	6,20	
26	2122170352	Võ Văn	Minh	02/02/2004	CCQ2217I	8.0	5.0	6,20	
27	2122170330	Nguyễn Phương	Nam	11/10/2004	CCQ2217I	8.0	6.0	6,80	
28	2122170325	Nguyễn Thành	Nam	01/04/2004	CCQ2217I	8.0	5.0	6,20	
29	2122170382	Ung Xuân	Nghị	26/02/2004	CCQ2217J	6.5	8.0	7,40	
30	2122270095	Trần Văn	Nghĩa	28/01/2004	CCQ2227C	7.3	5.0	5,90	
31	2122050015	Trương Đắc	Ngọc	17/09/2004	CCQ2205A	7.5	5.0	6,00	
32	2122050067	Nguyễn Tấn Gia	Nguyên	30/04/2004	CCQ2205B	8.5	10.0	9,40	
33	2122170358	Điền	Nhân	19/06/2004	CCQ2217I	7.0	7.0	7,00	
34	2122170378	Lê Anh	Nhân	21/06/2004	CCQ2217J	7.5	5.0	6,00	
35	2122170329	Lê Văn	Nhân	16/09/2004	CCQ2217I	8.5	5.0	6,40	
36	2122170397	Võ Thành	Nhân	22/06/2004	CCQ2217J	7.5	7.0	7,20	
37	2122050003	Nguyễn Minh	Nhật	06/01/2004	CCQ2205A	7.5	6.0	6,60	
38	2122170392	Võ Thành	Nhơn	15/12/2004	CCQ2217J	7.5	6.0	6,60	
39	2122170368	Trương Nam	Phi	20/01/2004	CCQ2217J	8.5	5.0	6,40	
40	2122170334	Chu Minh	Phong	05/10/2004	CCQ2217I	7.5	5.0	6,00	
41	2122170327	Đặng Trương	Phong	12/04/2004	CCQ2217I	7.8	6.0	6,70	
42	2122170342	Nguyễn Tấn	Phong	25/09/2004	CCQ2217I	8.8	6.0	7,10	
43	2122170333	Trương Thanh	Phong	12/09/2004	CCQ2217I	8.8	8.0	8,30	
44	2122170340	Nguyễn Phong	Phú	31/08/2004	CCQ2217I	7.8	5.0	6,10	
45	2122170347	Hồ Văn	Phước	23/05/2004	CCQ2217I	0.0	0.0	0,00	Vắng

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
46	2122170370	Hồ Duy	Phương	28/11/2004	CCQ2217J	8.8	5.0	6,50	
47	2122050028	Lê Mậu Hải	Quân	09/03/2004	CCQ2205A	6.8	5.0	5,70	
48	2122170375	Trần Đăng	Quân	27/07/2004	CCQ2217J	8.8	8.0	8,30	
49	2122170377	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Quý	08/05/2003	CCQ2217J	8.8	5.0	6,50	
50	2122170381	Châu Khánh	Tân	19/04/2004	CCQ2217J	8.0	5.0	6,20	
51	2122050007	Nguyễn Duy	Tân	20/01/2004	CCQ2205A	7.3	9.0	8,30	
52	2122170360	Phạm Ngọc	Thạch	10/04/2004	CCQ2217I	7.3	5.0	5,90	
53	2122170402	Trần Đức	Thành	02/04/2004	CCQ2217J	6.8	6.0	6,30	
54	2122170365	Phạm Minh	Thông	15/07/2004	CCQ2217J	7.3	5.0	5,90	
55	2122170400	Trần Minh	Thuận	04/01/2004	CCQ2217J	7.3	5.0	5,90	
56	2122170383	Văn Thành	Thuận	05/02/2004	CCQ2217J	0.0	0.0	0,00	Vắng
57	2122170380	Nguyễn Thành	Tiến	23/10/2003	CCQ2217J	7.3	5.0	5,90	
58	2122050006	Nguyễn Duy	Tiền	09/01/2003	CCQ2205A	6.8	5.0	5,70	
59	2122170362	Nguyễn Cao	Toàn	11/10/2004	CCQ2217I	0.0	0.0	0,00	Vắng
60	2122050066	Hồ Mạnh	Trình	27/03/2004	CCQ2205B	6.8	5.0	5,70	
61	2122170369	Lê Quang	Trường	19/04/2004	CCQ2217J	0.0	0.0	0,00	Vắng
62	2122170376	Nguyễn Đức	Trường	27/01/2004	CCQ2217J	8.0	10.0	9,20	
63	2122180011	Nguyễn Trọng	Tú	02/09/2004	CCQ2227D	8.0	5.0	6,20	
64	2122050016	Hồ Minh	Tuấn	22/08/2004	CCQ2205A	5.0	5.0	5,00	
65	2122170374	Phạm Anh	Tuấn	05/07/2004	CCQ2217J	8.0	6.0	6,80	
66	2122170355	Phan Thanh	Tùng	18/01/2002	CCQ2217I	8.0	6.0	6,80	
67	2122170350	Huỳnh Quang	Vinh	30/12/2004	CCQ2217I	8.0	5.0	6,20	
68	2122170341	Võ Tân	Vinh	26/02/2004	CCQ2217I	8.0	5.0	6,20	
69	2122170403	Phan Thành	Vũ	08/03/2004	CCQ2217J	7.8	5.0	6,10	
70	2122170396	Trần Minh	Vương	22/08/2004	CCQ2217J	8.0	5.0	6,20	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
-----	-------	-----------	-----------	---------	----------------------	-------------	---------------------	---------

TPHCM , ngày 06 tháng 11 năm 2023
Giảng viên

Nguyễn Thanh Bình